

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Đinh Thị Thu Huyền;

2, Bà Nguyễn Thị Tin

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Y

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Thân Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:*** Chị và T lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 11/9/2009, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng ở chung cùng với gia đình nhà chồng được một năm, sau đó vợ chồng ở riêng nhưng vẫn chung đất của bố mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng thời

gian đầu hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến đầu năm 2017 chị về nước. Cuộc sống vợ chồng khi chị ở Đài Loan về hạnh phúc, vợ chồng có xây nhà một tầng trên đất của bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một năm đến đầu năm 2018 thì lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vẫn do anh T chơi bời, cờ bạc không chịu làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh T bỏ nhà đi làm ăn xa không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, chị và anh T chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Chị và các con hiện không ở tại nhà vợ chồng xây trên đất của bố mẹ chồng, chị và các con về ở cùng với bố mẹ đẻ. Chị có hỏi bố mẹ chồng về địa chỉ của anh T thì bố mẹ chồng chị cũng không biết vì anh T chỉ liên lạc với bố mẹ chồng chị bằng điện thoại, và thỉnh thoảng anh T có về thăm nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Thân Thị T, sinh ngày 17/5/2011 và cháu Thân Thị Ngọc P, sinh ngày 28/10/2012, hiện nay hai cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị nhận nuôi hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

*** *Tại biên bản ghi lời khai của hai cháu Thân Thị T và Thân Thị Ngọc P trình bày:*** Nguyên vọng của hai cháu là muốn ở với mẹ, trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

*** *Tài liệu Tòa án thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2020 ông Thân Văn V là bố đẻ của anh Thân Văn T cung cấp: Anh Thân Văn T và chị Phạm Thị T kết hôn năm 2009, sau khi cưới anh T và chị T về sinh sống cùng với gia đình ông. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2017 thì vợ chồng anh T, chị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có chơi bời, cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên, gia đình có khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện tại chị T không sinh sống cùng với anh T, còn anh T vẫn sinh sống cùng với ông. Chị T làm đơn ly hôn anh T thì anh T có biết, hiện anh T đi làm ăn xa, quan điểm của anh T là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T thỉnh thoảng có về gia đình, thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại, địa

chỉ cụ thể anh T làm ăn ở đâu gia đình không rõ, không thể cung cấp cho Tòa án được.

+ Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2020 chính quyền địa phương thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Vợ chồng anh T, chị T kết hôn năm 2009 và sống tại địa phương, đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T chơi bời, cờ bạc. Chị T về nhà bố mẹ đẻ chị T ở, vợ chồng anh T, chị T hiện đang ly thân không sống cùng nhau nữa.

* Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ khác cho anh Thân Văn T do ông Thân Văn V là bố đẻ của anh Thân Văn T nhận thay theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

* Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị T đề nghị Tòa án không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

* Ngày 16/9/2020, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Thân Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Thân Văn T tiếp tục vắng mặt không có lý do, ông Thân Văn V là bố đẻ anh T cung cấp gia đình đã thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án cho anh T biết, anh T không có ý kiến gì và không đến Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T và xử cho chị T được ly hôn anh Thân Văn T. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Thân Thị T, sinh ngày 17/5/2011 và cháu Thân Thị Ngọc P, sinh ngày 28/10/2012 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Thân Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo lời khai của nguyên đơn và xác minh tại gia đình thì anh T có địa chỉ thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, hiện anh T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Tòa án có Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ của anh T nhưng gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T. Tòa án có văn bản xác minh thông tin của anh T và được Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp không có thông tin xuất nhập cảnh của anh T. Anh T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho chị T và gia đình biết là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Gia đình anh T đã thông báo nội dung các văn bản Tòa án cho anh T được biết. Như vậy xác định anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Còn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án nhân dân huyện Y xét xử vắng mặt anh T và chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Thân Văn T kết hôn ngày 11/9/2009 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh T là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 12 năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề tài chính và kinh tế gia đình, anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng bất đồng quan điểm và xảy ra cãi cọ, xích mích nhau. Từ năm 2017, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ tình cảm cũng như không còn liên quan gì đến nhau, tách biệt về kinh tế. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung là cháu Thân Thị T, sinh ngày 17/5/2011 và cháu Thân Thị Ngọc P, sinh 28/10/2012. Hiện hai cháu

đang chung sống với chị T, chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, anh T thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian thăm nom, chăm sóc các cháu. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu là muốn ở với chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của các cháu được ổn định cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Thân Văn T.

2.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Thân Thị T, sinh ngày 17/5/2011 và cháu Thân Thị Ngọc P, sinh ngày 28/10/2012 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Thân Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004330 ngày 24/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y,
- CCTHA dân sự huyện Y,
- UBND xã T, huyện Y,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Thanh Hảo